

HỘI THẢO LẤY Ý KIẾN DỰ THẢO THÔNG TƯ CHUNG HƯỚNG DẪN LUẬT QUẢN LÝ THUẾ

Hà Nội, ngày 22 tháng 3 năm 2021

Thuế nhà nước

<http://www.gdt.gov.vn>

❖1



CÁC NỘI DUNG CHÍNH

1. Đồng tiền khai thuế, nộp thuế bằng ngoại tệ và tỷ giá quy đổi
2. Khai thuế, tính thuế, phân bổ nghĩa vụ thuế
3. Về xử lý bù trừ số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa
4. Hoàn thuế nộp thừa
5. Hoàn thuế theo pháp luật về thuế
6. Xác nhận nghĩa vụ thuế

2

<http://www.gdt.gov.vn>

❖2



1. Đồng tiền khai thuế, nộp thuế bằng ngoại tệ

1.1. Quy định chi tiết K1 Đ7 Luật 38 về các trường hợp được phép khai thuế, nộp thuế bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi

- ❖ Đồng tiền khai thuế, nộp thuế bằng ngoại tệ là các đồng ngoại tệ tự do chuyển đổi (không chỉ đồng Đô la Mỹ như hiện nay) và thống nhất cùng đồng tiền khai và nộp để không phát sinh chênh lệch tỷ giá (bỏ trường hợp khai ngoại tệ, nộp VNĐ của khoản thu dầu thô, khí thiên nhiên bán tại thị trường VN theo quy định tại TT36). Các trường hợp được khai thuế, nộp thuế bằng ngoại tệ mới bổ sung là
 - Phí, lệ phí, thu khác do cơ quan đại diện ngoại giao ở nước ngoài thu hoặc cơ quan tổ chức được phép thu bằng ngoại tệ theo quy định tại các Thông tư phí, lệ phí
 - Nhà cung cấp nước ngoài đối với hoạt động thương mại điện tử

3

<http://www.gdt.gov.vn>

❖3



1. Đồng tiền khai thuế, nộp thuế bằng ngoại tệ

1.2. Quy định chi tiết K2 Đ7 Luật 38 về NNT hạch toán kế toán bằng ngoại tệ theo quy định của Luật Kế toán phải quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch.

- NNT khai thuế và nộp thuế bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi, thực hiện hạch toán kế toán và lập báo cáo tài chính bằng đồng Việt Nam thì quyết toán thuế theo đồng Việt Nam hoặc thực hiện hạch toán kế toán và lập báo cáo tài chính bằng ngoại tệ theo chấp thuận của Bộ Tài chính
- Tỷ giá quy đổi để quyết toán thuế hoặc hạch toán kế toán là tỷ giá mua vào của ngân hàng nơi thực hiện giao dịch nộp thuế hoặc nơi thực hiện giao dịch ; trường hợp ngân hàng nơi giao dịch không công bố tỷ giá thì tỷ giá quy đổi là tỷ giá mua vào của ngân hàng ngoại thương Việt Nam công bố.

4

<http://www.gdt.gov.vn>

❖4



1. Đồng tiền khai thuế, nộp thuế bằng ngoại tệ

1.3. Lưu ý:

- Dự thảo Thông tư không còn quy định hướng dẫn tỷ giá trong trường hợp NNT hạch toán bằng ngoại tệ hoặc có giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ nhưng khai thuế, nộp thuế bằng VNĐ tại Thông tư 26/2015/TT-BTC. Trường hợp này áp dụng tỷ giá quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC về kế toán doanh nghiệp.

5

<http://www.gdt.gov.vn>

❖5



2. Khai thuế, tính thuế, phân bổ nghĩa vụ thuế

2.1. Quy định chung về khai thuế, phân bổ thuế (Đ16)

- Đơn vị phụ thuộc: phân bổ đối với hoạt động SXKD của chi nhánh khác tỉnh/TP nơi trụ sở chính và từng trường hợp cụ thể nêu tại Đ17-23 Thông tư
- Địa điểm kinh doanh: giới hạn theo ngành nghề kinh doanh, chỉ phân bổ đối với các hoạt động kinh doanh nêu tại các Đ17-23
- Nguyên tắc: số thuế phải nộp cho các tỉnh nơi được hưởng nguồn thu ngân sách nhà nước phải đảm bảo không được lớn hơn số tiền thuế phải nộp trên hồ sơ khai thuế của người nộp thuế. Trường hợp người nộp thuế không phát sinh số thuế phải nộp thì không phải xác định số thuế phải nộp cho các tỉnh nơi được hưởng nguồn thu ngân sách nhà nước

6

<http://www.gdt.gov.vn>

❖6



2. Khai thuế, tính thuế, phân bổ nghĩa vụ thuế

2.2. Khai thuế, phân bổ đối với thuế GTGT (Điều 17)

a) NNT có đơn vị phụ thuộc khác tỉnh/TP (trừ K1a, b, c; K2 a, b, c, đ Đ ND 126; K6 a), không phân biệt ngành nghề kinh doanh (bao gồm cả DN viễn thông, NHTM).

- ❖ Số thuế GTGT phải nộp tại các tỉnh nơi có đơn vị phụ thuộc bằng (=) số thuế GTGT phải nộp của NNT trên tờ khai thuế nhân (x) với tỷ lệ (%) giữa doanh thu chịu thuế GTGT của các đơn vị phụ thuộc trên tổng doanh thu chịu thuế GTGT.
- ❖ Doanh thu chịu thuế GTGT không bao gồm doanh thu nội bộ phát sinh giữa trụ sở chính với các đơn vị phụ thuộc và doanh thu nội bộ phát sinh giữa các đơn vị phụ thuộc với nhau.

7

<http://www.gdt.gov.vn>

❖7



2. Khai thuế, tính thuế, phân bổ nghĩa vụ thuế

2.2. Khai thuế, phân bổ đối với thuế GTGT (Điều 17)

a) NNT có đơn vị phụ thuộc khác tỉnh/TP

- ❖ Trường hợp người nộp thuế thực hiện tổ chức sản xuất và tiêu thụ khép kín thì doanh thu là giá điều chuyển nội bộ được ghi trên phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ.
- ❖ Doanh thu dùng để xác định tỷ lệ phân bổ là doanh thu thực tế phát sinh của năm tính thuế. Hàng tháng, quý NNT được tự xác định tỷ lệ theo doanh thu tháng quý hoặc năm trước liền kề. Cuối năm, căn cứ doanh thu thực tế phát sinh của cả năm, người nộp thuế xác định lại tỷ lệ phân bổ, số thuế GTGT phải nộp của từng địa phương nơi được hưởng nguồn thu và lập bảng kê phân bổ số thuế phải nộp của cả năm gửi kèm theo tờ khai thuế GTGT của tháng 12 hoặc quý 4.

8

<http://www.gdt.gov.vn>

❖8



2. Khai thuế, tính thuế, phân bổ nghĩa vụ thuế

2.2. Khai thuế, phân bổ đối với thuế GTGT (Điều 17)

b) Địa điểm kinh doanh: Khai tập trung tại trụ sở chính, chỉ phân bổ đối với 4 trường hợp sau

i. Cơ sở sản xuất (như hiện hành)

CSSX điện khai riêng. Thông tư chỉ quy định trường hợp CSSX là nhà máy thủy điện nằm trên nhiều tỉnh thì Số thuế GTGT phải nộp tại các tỉnh nơi có nhà máy thủy điện bằng (=) số thuế GTGT phải nộp của nhà máy thủy điện nhân (x) với tỷ lệ (%) giá trị đầu tư các hạng mục của nhà máy thủy điện tại từng tỉnh trên tổng giá trị đầu tư của nhà máy thủy điện.

9

<http://www.gdt.gov.vn>

❖9



2. Khai thuế, tính thuế, phân bổ nghĩa vụ thuế

2.2. Khai thuế, phân bổ đối với thuế GTGT (Điều 17)

b) Địa điểm kinh doanh:

ii. Hoạt động kinh doanh bất động sản: Tạm nộp 1% trên doanh thu chưa có thuế GTGT.

iii. Hoạt động xây dựng: Tạm nộp 1% trên doanh thu chưa có thuế GTGT.

- ✓ Nhà thầu, nhà thầu phụ ký hợp đồng trực tiếp với chủ đầu tư
- ✓ Nhà thầu chưa nộp thuế GTGT thì cơ quan thuế nơi có công trình xây dựng yêu cầu nhà thầu, chủ đầu tư có trách nhiệm khấu trừ, nộp thuế GTGT thay cho nhà thầu.
- ✓ KBNN khấu trừ 1% trên số tiền KBNN chấp nhận thanh toán.

=> NNT phải tổng hợp doanh thu khi khai thuế GTGT tại trụ sở chính. Số thuế đã tạm nộp được trừ vào số thuế phải nộp tại trụ sở chính (chuyển thành số nộp thừa thay vì số thuế GTGT còn được khấu trừ như hiện tại)

10

<http://www.gdt.gov.vn>

❖10



2. Khai thuế, tính thuế, phân bổ nghĩa vụ thuế

2.2. Khai thuế, phân bổ đối với thuế GTGT (Điều 17)

b) Địa điểm kinh doanh:

Lưu ý:

- Bỏ khai vắng lai đối với hoạt động bán hàng vắng lai ngoại tỉnh
- Công văn 3200 về quản lý thuế địa điểm kinh doanh hết hiệu lực

11

<http://www.gdt.gov.vn>

❖11



2. Khai thuế, tính thuế, phân bổ nghĩa vụ thuế

2.3. Khai thuế, phân bổ đối với thuế Tài nguyên (Điều 19) - như hiện hành

- NNT khai thuế Tài nguyên theo quy định điểm g K1 Đ 11 ND 126
- Chỉ phân bổ thuế Tài nguyên đối với nhà máy thủy điện có lòng hồ nằm trên địa bàn nhiều tỉnh TP theo diện tích lòng hồ (như hiện hành)

12

<http://www.gdt.gov.vn>

❖12



2. Khai thuế, tính thuế, phân bổ nghĩa vụ thuế

2.4. Khai thuế, phân bổ đối với thuế BVMT đối với đơn vị phụ thuộc (Đ20)

- Khai thuế BVMT theo quy định tại điểm đ, e K1 Đ11 NĐ 126: tại nơi sản xuất hàng hóa BVMT, trừ hoạt động kinh doanh xăng dầu tại điểm a2 K4 Đ11 NĐ126; tại nơi có CSSX, kinh doanh than (trừ điểm b K4 Đ11 NĐ126)
- điểm a2 K4 Đ11 NĐ126: đơn vị phụ thuộc kinh doanh tại địa bàn cấp tỉnh khác với nơi thương nhân đầu mối, công ty con của thương nhân đầu mối đóng trụ sở mà không hạch toán kế toán để khai riêng thuế bảo vệ môi trường thì khai tập trung tại trụ sở chính, **phân bổ thuế phải nộp theo sản lượng ĐVPT bán ra.**
- điểm b K4 Đ11 NĐ126: như hiện hành

13

<http://www.gdt.gov.vn>

❖13



2. Khai thuế, tính thuế, phân bổ nghĩa vụ thuế

2.5. Khai thuế, phân bổ đối với thuế TNDN (Đ21)

- NNT khai quyết toán thuế TNDN với CQT quản lý trụ sở chính cho cả hoạt động SXKD của đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh (Trừ K5 liên quan đến hoạt động khai thác, xuất bán dầu thô, khí thiên nhiên và các khoản thu khác liên quan đến dầu, khí) có quy định riêng); đồng thời, phân bổ số thuế phải nộp cho nơi có đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh nếu có các hoạt động sau:
 - Sản xuất
 - Kinh doanh bất động sản
 - Sổ sổ điện toán

14

<http://www.gdt.gov.vn>

❖14



2. Khai thuế, tính thuế, phân bổ nghĩa vụ thuế

2.5. Khai thuế, phân bổ đối với thuế TNDN (Đ21)

- ❖ Tạm nộp thuế TNDN: NNT tự xác định số thuế TNDN tạm nộp quý tại các địa bàn được phân bổ để nộp thuế. Khi khai quyết toán, xác định chính xác số thuế phải nộp được phân bổ để xác định số thuế phải nộp tăng thêm, giảm đi và thực hiện bù trừ, tính tiền chậm nộp theo quy định.
- ❖ NNT thực hiện bù trừ, hoàn thuế nộp thừa tại các địa bàn được phân bổ thuế với cơ quan thuế nơi khai quyết toán thuế TNDN

15

<http://www.gdt.gov.vn>

❖15



2. Khai thuế, tính thuế, phân bổ nghĩa vụ thuế

❖ 2.5. Khai thuế, phân bổ đối với thuế TNDN (Đ21)- Công thức phân bổ:

- **CSSX: Theo tỷ lệ chi phí thực tế phát sinh của kỳ tính thuế** (không bao gồm chi phí phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa các đơn vị hạch toán phụ thuộc của NNT và chi phí của CSSX được hưởng ưu đãi theo quy định của pháp luật); hoặc tỷ lệ sản lượng điện sản xuất của nhà máy điện trên tổng sản lượng điện sản xuất của CSSX điện nếu không hạch toán riêng được chi phí; hoặc nhà máy thủy điện, có tua bin, đập thủy điện và những cơ sở vật chất chủ yếu của nhà máy nằm trên địa bàn nhiều tỉnh thì theo tỷ lệ (%) giá trị đầu tư của từng hạng mục tại từng tỉnh trên tổng giá trị đầu tư của nhà máy thủy điện.

16

<http://www.gdt.gov.vn>

❖16



2. Khai thuế, tính thuế, phân bổ nghĩa vụ thuế

2.5. Khai thuế, phân bổ đối với thuế TNDN (Đ21)- Công thức phân bổ:

- ❖ Hoạt động chuyển nhượng bất động sản phân bổ theo tỷ lệ doanh thu của địa bàn có lãi trên tổng doanh thu từ hoạt động kinh doanh bất động sản (trừ điểm e K4 Đ8 NĐ 126 khai từng lần phát sinh tỷ lệ trên doanh thu và tạm nộp 1% theo tiến độ thu tiền của dự án đầu tư cơ sở hạ tầng, nhà để chuyển nhượng hoặc cho thuê mua)

17

<http://www.gdt.gov.vn>

❖17



2. Khai thuế, tính thuế, phân bổ nghĩa vụ thuế

2.6. Khai thuế, tính thuế, phân bổ, quyết toán thuế đối với hoạt động kinh doanh xổ số điện toán

- Các loại thuế phân bổ: GTGT, TTĐB, TNDN, LNST
- Tiêu thức phân bổ theo tỷ lệ doanh thu bán vé có thuế thực tế. Đồng thời, quy định cụ thể về doanh thu bán vé có thuế thực tế thông qua thiết bị đầu cuối hoặc thông qua điện thoại, internet

18

<http://www.gdt.gov.vn>

❖18



2. Khai thuế, tính thuế, phân bổ nghĩa vụ thuế

2.7. Khai thuế, tính thuế, phân bổ, quyết toán thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công

- Người nộp thuế có chi nhánh tại địa bàn khác tỉnh, hoạt động theo mô hình hạch toán tập trung tại trụ sở chính và trụ sở chính thực hiện khấu trừ thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công thì khai với cơ quan thuế quản lý trực tiếp trụ sở chính nhưng phải xác định riêng số thuế thu nhập cá nhân phải nộp theo từng tỉnh nơi có trụ sở chính và chi nhánh của người nộp thuế theo thực tế phát sinh khấu trừ của cá nhân theo thời gian cá nhân làm việc tại đơn vị đó.
- Số thuế phải nộp từng tỉnh tương ứng với kỳ khai thuế thu nhập cá nhân theo tháng hoặc quý và không xác định lại khi quyết toán thuế.

19

<http://www.gdt.gov.vn>

❖19



3. Xử lý bù trừ khoản nộp thừa

Hướng dẫn Khoản 1 Điều 60 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14: NNT có số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt đã nộp lớn hơn số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt phải nộp thì được:

- Bù trừ số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa với số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt còn nợ; không tính tiền chậm nộp tương ứng với khoản tiền bù trừ trong khoảng thời gian từ ngày phát sinh khoản nộp thừa đến ngày cơ quan quản lý thuế thực hiện bù trừ.
- hoặc trừ vào số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt phải nộp của lần nộp thuế tiếp theo
- hoặc được hoàn trả số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa khi người nộp thuế không còn nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt

20

<http://www.gdt.gov.vn>

❖20



3. Xử lý bù trừ khoản nộp thừa

3.1. Về thủ tục để bù trừ thực hiện theo 02 hình thức:

- Cơ quan thuế tự động bù trừ trên hệ thống quản lý thuế và cung cấp thông tin cho NNT biết về kết quả xử lý bù trừ trong kỳ đối với các khoản nợ của người nộp thuế có cùng tiểu mục, cùng địa bàn thu NSNN với khoản nộp thừa.
- Cơ quan thuế tự động trừ khoản nộp thừa với khoản thu phát sinh của NNT trong lần tiếp theo nếu cùng tiểu mục, cùng địa bàn thu.
- Người nộp thuế gửi hồ sơ đề nghị bù trừ với khoản nợ có cùng tiểu mục, cùng địa bàn thu NSNN với khoản nộp thừa của người nộp thuế khác.

⇒ Nguyên tắc:

* Việc xử lý bù trừ liên quan đến nghĩa vụ của NNT và hệ thống kế toán thuế của cơ quan thuế; không ảnh hưởng đến báo cáo thu NSNN để thống nhất với KBNN.

21

<http://www.gdt.gov.vn>

❖21



3. Xử lý bù trừ khoản nộp thừa

- ❖ Việc bù trừ khoản nộp thừa với khoản nợ khác tiểu mục, khác địa bàn thu NSNN được thực hiện theo thủ tục hoàn kiêm bù trừ thu NSNN tại các Điều liên quan đến hoàn thuế nộp thừa để đảm bảo hạch toán tăng, giảm các khoản thu NSNN thống nhất với KBNN
- ❖ Bỏ quy định liên tục trong 6 tháng không phát sinh khoản phải nộp bù trừ mới được hoàn thuế khoản nộp thừa.
- ❖ Việc bù trừ tự động được thực hiện khi hạch toán giao dịch liên quan: khi phát sinh khoản nộp thừa, khi phát sinh khoản phải nộp và do hệ thống thực hiện.
- ❖ Xác định khoản nộp thừa trừ nợ từ ngày phát sinh khoản nộp thừa, thay vì ngày thực hiện bù trừ như hiện nay và tính lại tiền chậm nộp của khoản nợ được bù trừ với khoản nộp thừa.

22

<http://www.gdt.gov.vn>

❖22



3. Xử lý bù trừ khoản nộp thừa

3.2. Thủ tục xử lý không hoàn trả số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa (Điều 30):

❖ Các trường hợp:

- *NNT từ chối nhận lại số tiền nộp thừa bằng văn bản;*
- *NNT không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký với cơ quan thuế, đã được cơ quan quản lý thuế thông báo về số tiền nộp thừa trên phương tiện thông tin đại chúng mà sau 01 năm kể từ ngày thông báo, người nộp thuế không có phản hồi bằng văn bản;*
- *Khoản nộp thừa quá thời hạn 10 năm kể từ ngày nộp tiền vào ngân sách nhà nước mà người nộp thuế không bù trừ nghĩa vụ thuế và không hoàn thuế.*

❖ *Hồ sơ, trình tự xử lý ban hành **Quyết định không hoàn trả khoản nộp thừa** để hạch toán, thanh toán khoản nộp thừa trên hệ thống quản lý thuế của cơ quan thuế đối với 3 trường hợp nêu trên*

23

<http://www.gdt.gov.vn>

❖23



4. Hoàn nộp thừa

4.1. Về hồ sơ hoàn thuế (Điều 45)

- ❖ Bổ sung “Văn bản ủy quyền” trong trường hợp người nộp thuế không trực tiếp thực hiện thủ tục hoàn thuế đối với tất cả các hồ sơ hoàn nộp thừa.
- ❖ Sửa đổi hồ sơ hoàn trả tiền nộp thừa đối với người nộp thuế giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động, bán, giao và chuyển giao doanh nghiệp nhà nước (trừ trường hợp giải thể, chấm dứt hoạt động mà cơ quan thuế không phải thực hiện quyết toán thuế theo quy định của pháp luật): là hồ sơ kiểm tra quyết toán thuế.

24

<http://www.gdt.gov.vn>

❖24



4. Hoàn nộp thừa

4.2. Về thu hồi hoàn thuế (Điều 53)

- ❖ Bổ sung quy định về thu hồi hoàn thuế và nguyên tắc xác định tiền chậm nộp khi thu hồi hoàn thuế nộp thừa kể từ ngày Kho bạc Nhà nước chi trả tiền hoàn hoặc hạch toán bù trừ tiền hoàn thuế với khoản thu ngân sách nhà nước.

25

<http://www.gdt.gov.vn>

❖25



5. Hoàn thuế theo pháp luật thuế

5.1. Hồ sơ hoàn thuế

- Làm rõ các tài liệu liên quan đến yêu cầu hoàn thuế theo quy định tại điểm 2 Khoản 2 Điều 71 Luật 38 theo từng trường hợp hoàn thuế và theo nguyên tắc, hồ sơ nào CQT đã có hoặc cơ quan QLNN khác đã cung cấp cho CQT thì không yêu cầu NNT phải nộp

5.2. Thu hồi hoàn thuế (Điều 43):

- ❖ Bổ sung quy định người nộp thuế được khai khấu trừ bổ sung số tiền đã được hoàn không đúng quy định nhưng vẫn đáp ứng đủ điều kiện khấu trừ về thuế giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng kể từ kỳ tính thuế tiếp theo kỳ phát hiện sai sót hoặc cơ quan thuế ban hành Quyết định thu hồi tiền hoàn thuế.
- ❖ Bổ sung thu hồi hoàn thuế đối với hàng xuất khẩu bị trả lại

26

<http://www.gdt.gov.vn>

❖26



❖27